

Bản án số: 78/2022/DS-ST

Ngày: 26-7-2022

V/v “T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đồng

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2021/TLST-DS ngày 27/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2022/QĐST - DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Tấn L sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: anh Trần Xuân K sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B1, xã C, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* chị Võ Thúy C sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Trường H sinh năm 1980; địa chỉ: số 275, ấp T, xã P, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L và người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Xuân K trình bày:

Vào ngày 11 tháng 02 năm 2017, anh L và chị C có giao kết với nhau bằng lời nói một hợp đồng mua bán thức ăn. Nội dung thỏa thuận: thức ăn được giao

thành từng đợt theo yêu cầu của bên mua và thanh toán ngay khi bên mua bán gà. Sau đó, anh L đã giao thức ăn cho chị C như đã thỏa thuận. Từng lần giao nhận thức ăn, hai bên đều ghi sổ theo dõi. Tuy nhiên sau mỗi đợt bán gà, chị C đã không thanh toán đủ do chăn nuôi thua lỗ. Đến ngày 04 tháng 11 năm 2020, chị C ký biên nhận còn nợ anh L số tiền là 322.646.000 đồng và cam kết hoàn trả trong thời hạn một năm. Sau đó, chị C nhiều lần trả dần với tổng số tiền là 36.281.000 đồng và hiện còn nợ lại số tiền là 286.365.000 đồng. Năm 2021, chị C và anh H ly hôn tại Tòa án. Lúc này, do chưa đến hạn trả nợ nên anh L không có yêu cầu giải quyết về số tiền trên. Tuy nhiên, sau đó, do chị C không trả nợ như đã hứa nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Do hợp đồng mua bán được giao kết bởi chị C và anh L, chị C cũng là người ký nhận nợ, không có ai khác liên quan, việc anh H thừa nhận số tiền trên là nợ C là việc riêng giữa anh H và chị C. Do đó, anh L yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả lại cho anh L số tiền còn nợ là 286.365.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Võ Thúy C trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2020, chị có nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của anh L. Tính đến ngày 04 tháng 11 năm 2020, chị còn nợ anh L số tiền là 322.646.000 đồng, chị có ký nhận nợ và cam kết sẽ thanh toán trong thời hạn một năm. Sau đó, chị có trả dần nhiều lần với tổng số tiền là 36.281.000 đồng, hiện còn nợ lại 286.365.000 đồng. Năm 2021, chị và anh H ly hôn tại Tòa án (theo bản án số 103/2021/HNGĐ-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G). Thời điểm này, do anh L không có yêu cầu nên chị cũng không có ý kiến đối với anh H về số tiền trên. Hiện chị thừa nhận còn nợ anh L số tiền 286.365.000 đồng, do dịch bệnh, làm ăn khó khăn nên chị chưa có điều kiện trả nợ cho anh L. Tuy nhiên, đây là nợ C của chị và anh H. Do đó, chị đồng ý cùng anh H liên đới trả số nợ trên cho anh L, và xin được trả dần mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trường H trình bày:

Từ năm 2017, anh và chị C có mua thức ăn của cửa hàng Nguyễn L. Hình thức thanh toán là cho nợ lại, và sẽ trả tiền ngay khi bán gà; trường hợp không thanh toán đủ, phần nợ sẽ cộng dồn cho vụ mùa sau. Trong thời gian chăn nuôi, anh chị cũng đã thanh toán được nhiều lần. Đến năm 2020, anh chị không chăn nuôi nữa, số tiền thức ăn nợ lại là 286.365.000 đồng. Do vợ chồng anh L yêu cầu trả một lần nên anh chị không đồng ý. Anh L có viết cho anh chị tờ biên nhận tiền nhưng anh không đồng ý, sau đó chị C có tự ký tên vào biên nhận trên. Do đây là nợ C nên anh yêu cầu liên đới cùng chị C trả, nhưng sẽ trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Anh hứa sẽ tiếp tục nuôi gà và sẽ lấy tiền lời nuôi gà để trả nợ cho anh L.

Tại phiên tòa:

Anh Trần Xuân K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Võ Thúy C, anh Lê Trường H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn anh L, anh K thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chị C không tham gia phiên tòa sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 73 BLTTDS.

- Về nội dung: căn cứ các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L. Buộc chị C có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền nợ thức ăn là 286.365.000 đồng, ghi nhận anh L không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, anh Trần Xuân K vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng chị Võ Thúy C, anh Lê Trường H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của anh L về việc yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả số tiền 286.365.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Mặc dù hợp đồng mua bán thức ăn giữa hai bên chỉ được giao kết bằng lời nói. Tuy nhiên căn cứ vào biên nhận nợ ngày 04 tháng 11 năm 2020 và lời khai nhận của chị C trong quá trình tố tụng có căn cứ xác định từ năm 2017 đến năm 2020, chị C có mua thức ăn của anh L. Và tính đến ngày 04 tháng 11 năm 2020, chị C còn nợ lại anh L số tiền là 322.646.000 đồng. Sau nhiều lần trả dần với tổng số tiền là 36.281.000 đồng, hiện chị C còn nợ lại anh L 286.365.000 đồng. Do chủ thể tham gia giao kết hợp đồng là anh L (bên bán) và chị C (bên mua), chị C cũng là người ký biên nhận thừa nhận nợ nên xét yêu cầu khởi kiện của anh L đối với chị C về số tiền trên là có căn cứ.

[2] Xét trình bày, yêu cầu của chị C, anh H cho rằng số tiền mua thức ăn còn nợ là nợ C nên yêu cầu liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù hợp đồng trên được chị C giao kết trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh H, anh H cũng thừa nhận nợ C và đồng ý liên đới trả. Tuy nhiên, việc yêu cầu chị C trả nợ hay yêu cầu chị C và anh H có nghĩa vụ liên đới trả nợ là quyền yêu cầu của bên bán là anh L.

Quyền lợi của chị C hoặc nghĩa vụ của anh H liên quan đến số nợ trên là do anh H và chị C tự thương lượng, thỏa thuận; nếu hai bên có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của anh L về việc yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả số tiền 286.365.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh L không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét việc chị C yêu cầu trả số tiền 286.365.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi hết nợ không được anh L đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí DS-ST có giá ngạch 5%: do yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận nên chị C phải nộp số tiền án phí (286.365.000đ x 5%) là 14.318.250 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn L. Buộc chị Võ Thúy C có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn L số tiền là 286.365.000đ (hai trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận anh L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Buộc chị Võ Thúy C phải nộp số tiền là 14.318.250đ (mười bốn triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho anh Nguyễn Tấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.159.000đ (bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004565 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND huyện G;*
- *THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

